

Bản án số: 304/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN G**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ S.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

2. Bà Phạm Xuân Đào.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 777/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 587/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 530/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp Bắc Thạnh, xã Tại G, huyện Thoại S, tỉnh An G; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Bình Quới, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ M, tỉnh An G; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu chị và anh P được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2015, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ M tỉnh An G. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, không hợp không hợp nhau, anh P

không lo làm ăn lo cho vợ con, hay rượu chè với bạn bè, chị có khuyên nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nam, sinh ngày 31.8.2017 hiện nay cháu Nam sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nam, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị T xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Chị Trương Thị T xác định vợ chồng không có.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 08.4.2015 do Ủy ban nhân dân xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ M, tỉnh An G cấp; Giấy khai sinh của Nguyễn Ngọc Nam (bản sao).

- Anh Nguyễn Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Ngọc P tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phước Xuân vào ngày 08/4/2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không có tình cảm, không hợp nhau, anh P không lo làm ăn, hay uống rượu với bạn bè, chị T có khuyên ngăn nhưng anh P không sửa đổi, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị T yêu cầu xin hôn với anh P.

Xét thấy từ khi chị T gửi đơn khởi kiện, anh P không có ý kiến phản hồi, cũng như không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Trong quá trình

chung sống anh P không lo làm ăn phụ giúp vợ con, mà chỉ nhậu nhẹt với bạn bè, chị T nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi. Mặc khác, chị T xác định không còn tình cảm với anh P nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên việc chị T xin ly hôn với anh P là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nam - Sinh ngày 31/8/2017. Hiện cháu Nam đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nên căn cứ Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

Xét thấy, việc giao con cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con. Từ khi chị T và anh ông P ly thân, cháu Nam sống chung với chị T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Để ổn định cho cuộc sống của con, nên để chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị T đối với anh Nguyễn Ngọc P.

- Chị Trương Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Nam - Sinh ngày 31/8/2017. Anh Nguyễn Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Trương Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P cư trú ấp Bình Quới, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ M, tỉnh An G. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Ngọc P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị T với anh P thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh P không lo làm ăn lo cho vợ con, chỉ biết rượu chè với bạn bè, chị có khuyên nhưng anh không sửa đổi, anh chị không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị T, anh P là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Trương Thị T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nam, sinh ngày 31/8/2017 hiện nay cháu Nam sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu Nam sống với chị T, cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Nam. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Nam cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình làm việc chị T có ý kiến xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 217 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 08/4/2015 do Ủy ban nhân dân xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ M, tỉnh An G cấp cho chị Trương Thị T với anh Nguyễn Ngọc P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chị Trương Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Nam, sinh ngày 31.8.2017. Anh Nguyễn Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Ngọc P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trương Thị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T, anh P trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012656 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An G cấp ngày 17 tháng 10 năm 2022; Chị Trương Thị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Ngọc P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trương Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An G xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc P được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An G (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ M, tỉnh An G (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ S**